

# TỔNG HỢP KIẾN THỨC CUỐI HỌC KÌ 2 – KHỐI 1

## MÔN TIẾNG VIỆT

<p><b>ĐỌC THÀNH TIẾNG</b> Độ dài khoảng 50 - 60 tiếng</p>	<p>– Đọc đúng âm, vần, tiếng, từ, câu (có thể đọc chưa thật đúng một số tiếng có vần khó, ít dùng). – Đọc đúng và rõ ràng đoạn văn hoặc văn bản ngắn. Tốc độ đọc khoảng 40 – 60 tiếng trong 1 phút. Biết ngắt hơi ở chỗ có dấu phẩy, dấu kết thúc câu hay ở chỗ kết thúc dòng thơ.</p>	
<p><b>ĐỌC HIỂU VĂN BẢN</b> 1. Văn bản văn học Truyện và đoạn văn miêu tả khoảng 90 – 130 chữ. Thơ khoảng 50 – 70 chữ 2. Văn bản thông tin: khoảng 90 chữ</p>	<p>Đọc hiểu nội dung</p>	<p><b>1. Văn bản văn học</b> – Hỏi và trả lời được những câu hỏi đơn giản liên quan đến các chi tiết được thể hiện tường minh. – Trả lời được các câu hỏi đơn giản về nội dung cơ bản của văn bản dựa vào gợi ý, hỗ trợ <b>2. Văn bản thông tin</b> – Hỏi và trả lời được những câu hỏi đơn giản về các chi tiết nổi bật trong văn bản. – Trả lời được câu hỏi: “Văn bản này viết về điều gì?” với sự gợi ý, hỗ trợ.</p>
	<p>Đọc hiểu hình thức</p>	<p><b>1. Văn bản văn học</b> – Nhận biết được hình dáng, hành động của nhân vật thể hiện qua một số từ ngữ trong câu chuyện dựa vào gợi ý của giáo viên. – Nhận biết được lời nhân vật trong truyện dựa vào gợi ý của giáo viên. <b>2. Văn bản thông tin</b> – Nhận biết được trình tự của các sự việc trong văn bản. – Hiểu nghĩa của một số tín hiệu đơn giản, gắn gũi với học sinh.</p>
	<p>Liên hệ, so sánh, kết nối</p>	<p>Văn bản văn học – Liên hệ được tranh minh họa với các chi tiết trong văn bản. – Nêu được nhân vật yêu thích nhất và bước đầu biết giải thích vì sao.</p>
<p><b>VIẾT</b></p>	<p>Chính tả</p>	<p>– Viết đúng chữ viết thường, chữ số (từ 0 đến 9) – Đặt dấu thanh đúng vị trí. Viết đúng quy tắc các tiếng mở đầu bằng các chữ c, k, g, gh, ng, ngh. – Viết đúng chính tả đoạn thơ, đoạn văn có độ dài khoảng 30 – 35 chữ theo các hình thức nghe – viết. Tốc độ viết khoảng 30 – 35 chữ trong 15 phút. – Trình bày bài viết sạch sẽ, đúng quy định. – Tránh sử dụng văn bản đã học.</p>

Chính tả âm, vần Bài tập về câu	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Điền được phần thông tin còn trống, viết được câu trả lời, viết câu dưới tranh phù hợp với nội dung câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe.</li> <li>– Điền được vào phần thông tin còn trống, viết câu nói về hình dáng hoặc hoạt động của nhân vật dưới tranh trong câu chuyện đã học dựa trên gợi ý.</li> <li>– Điền được phần thông tin còn trống, viết câu trả lời hoặc viết lại câu đã nói để giới thiệu bản thân dựa trên gợi ý.</li> </ul>
------------------------------------	---

## MÔN TOÁN

SỐ VÀ PHÉP TÍNH		
<b>Số tự nhiên</b>	Đếm, đọc, viết các số trong phạm vi 100	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Đếm, đọc, viết được các số trong phạm vi 10; trong phạm vi 20; trong phạm vi 100.</li> <li>– Nhận biết được chục và đơn vị, số tròn chục.</li> </ul>
	So sánh các số trong phạm vi 100	Nhận biết được cách so sánh, xếp thứ tự các số trong phạm vi 100 (ở các nhóm có không quá 4 số).
<b>Các phép tính với số tự nhiên</b>	Phép cộng, phép trừ	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Nhận biết được ý nghĩa của phép cộng, phép trừ.</li> <li>– Thực hiện được phép cộng, phép trừ (không nhớ) các số trong phạm vi 100.</li> <li>– Làm quen với việc thực hiện tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính cộng, trừ (theo thứ tự từ trái sang phải).</li> </ul>
	Tính nhẩm	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Thực hiện được việc cộng, trừ nhẩm trong phạm vi 10.</li> <li>– Thực hiện được việc cộng, trừ nhẩm các số tròn chục.</li> </ul>
	Thực hành giải quyết vấn đề liên quan đến các phép tính đã học	<p><b>Viết phép tính và câu trả lời</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Nhận biết được ý nghĩa thực tiễn của phép tính (cộng, trừ) thông qua tranh ảnh, hình vẽ hoặc tình huống thực tiễn.</li> <li>– Nhận biết và viết được phép tính (cộng, trừ) phù hợp với câu trả lời của bài toán có lời văn và tính được kết quả đúng.</li> </ul>
HÌNH HỌC VÀ ĐẠI LƯỢNG		
<b>Hình phẳng và hình khối</b>	Quan sát, nhận biết, mô tả hình dạng của một số hình phẳng và hình khối đơn giản	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Nhận biết được vị trí, định hướng trong không gian: trên – dưới, phải – trái, trước – sau, ở giữa.</li> <li>– Nhận dạng được hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật thông qua việc sử dụng bộ đồ dùng học tập cá nhân hoặc vật thật.</li> <li>– Nhận dạng được khối lập phương, khối hộp chữ nhật thông qua việc sử dụng bộ đồ dùng học tập cá nhân hoặc vật thật.</li> </ul>

	Thực hành đo, vẽ, lắp ghép, tạo hình gắn với một số hình phẳng và hình khối đã học	Nhận biết và thực hiện được việc lắp ghép, xếp hình gắn với sử dụng bộ đồ dùng học tập cá nhân hoặc vật thật.
<b>Đo lường</b>	Biểu tượng về đại lượng và đơn vị đo đại lượng	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Nhận biết được về “dài hơn”, “ngắn hơn”.</li> <li>– Nhận biết được đơn vị đo độ dài: cm (xăng-ti-mét); đọc và viết được số đo độ dài trong phạm vi 100cm.</li> <li>– Nhận biết được mỗi tuần lễ có 7 ngày và tên gọi, thứ tự các ngày trong tuần lễ.</li> <li>– Nhận biết được giờ đúng trên đồng hồ.</li> </ul>
	Thực hành đo đại lượng	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Thực hiện được việc đo và ước lượng độ dài theo đơn vị đo tự quy ước (gang tay, bước chân,...).</li> <li>– Thực hiện được việc đo độ dài bằng thước thẳng với đơn vị đo là cm.</li> <li>– Thực hiện được việc đọc giờ đúng trên đồng hồ.</li> <li>– Xác định được thứ, ngày trong tuần khi xem lịch (loại lịch tờ hàng ngày).</li> <li>– Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn đơn giản liên quan đến đo độ dài, đọc giờ đúng và xem lịch (loại lịch tờ hằng ngày).</li> </ul>

### **HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM**

Thực hành ứng dụng các kiến thức toán học vào thực tiễn, chẳng hạn:

- Thực hành đếm, nhận biết số, thực hiện phép tính trong một số tình huống thực tiễn hằng ngày (ví dụ: đếm số bàn học và số cửa sổ trong lớp học,...).
- Thực hành các hoạt động liên quan đến vị trí, định hướng không gian (ví dụ: xác định được một vật ở trên hoặc dưới mặt bàn, một vật cao hơn hoặc thấp hơn vật khác,...).
- Thực hành đo và ước lượng độ dài một số đồ vật trong thực tế gắn với đơn vị đo cm; thực hành đọc giờ đúng trên đồng hồ, xem lịch loại lịch tờ hằng ngày.